

Số: 36/2022/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 02 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở

hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2431/TTr-SXD ngày 23 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2022

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.N*

Nội nhân

- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Tây Ninh;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

Bao QĐ.22.10.4

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Dương Văn Thắng



QUY ĐỊNH

**Bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật
của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

(Kèm theo Quyết định số36/2022/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, gồm: công trình giao thông, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng công cộng, công viên, cây xanh sử dụng công cộng, hệ thống cấp nước và chữa cháy, cấp điện, công trình viễn thông (nếu có);

b) Việc bàn giao, trách nhiệm duy tu, sửa chữa tuân thủ theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo việc xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và đô thị.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở gồm: công trình giao thông, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng công cộng, cây xanh sử dụng công cộng, hệ thống cấp nước và chữa cháy, cấp điện, công trình viễn thông (nếu có).

2. Chủ đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng.

Điều 3. Đơn vị bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là bên bàn giao)

Bên bàn giao bao gồm:

1. Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này.
2. Chủ sở hữu tài sản, cụ thể: các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài sở hữu công trình tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương để xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định.

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là bên tiếp nhận)

1. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thành thì chủ đầu tư được khai thác hoặc chuyển giao cho bên tiếp nhận quản lý, vận hành theo các mục tiêu ban đầu của dự án đảm bảo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố là bên tiếp nhận đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn quản lý. Trường hợp công trình nằm trên địa bàn từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì bên tiếp nhận sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

3. Trường hợp chủ đầu tư chưa bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật cho bên tiếp nhận thì chủ đầu tư phải có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật cho đến lúc bàn giao. Trong thời gian chưa bàn giao, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức khai thác cung cấp dịch vụ đô thị, đảm bảo nhu cầu của dân cư đến ở theo đúng mục tiêu ban đầu của dự án.

4. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã hoàn thành nếu chủ đầu tư không thực hiện đúng quy định thì đơn vị tiếp nhận có quyền báo cáo cấp quyết định đầu tư về việc từ chối tiếp nhận công trình. Trường hợp cấp quyết định đầu tư thống nhất đề nghị của đơn vị tiếp nhận thì chủ đầu tư phải tự chịu trách nhiệm về quản lý, khai thác và bảo trì công trình theo quy định.

5. Đối với đơn vị tiếp nhận không thực hiện theo Quy định này, khi cấp quyết định đầu tư đã chỉ định đơn vị tiếp nhận và chủ đầu tư đã có công văn đề nghị nhưng không cử người tham gia hoặc không có ý kiến trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án thì khi tiếp nhận không được quyền có ý kiến đối với các giai đoạn mà đơn vị không tham gia hoặc trước đây không có ý kiến và phải bắt buộc tiếp nhận công trình trên cơ sở hồ sơ, tài liệu công trình do chủ đầu tư bàn giao.

Điều 5. Các nguyên tắc chung

1. Chủ trương bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Trường hợp trong hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đã xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản công



trình hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi hoàn thành và được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận thì thực hiện theo các nội dung của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt;

b) Trường hợp trong hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình chưa xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi hoàn thành thì áp dụng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan để xác định đối tượng thụ hưởng và báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Điều 124 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội; khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội; Điều 27 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.

3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ được phép bàn giao và đưa vào sử dụng sau khi chủ đầu tư đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành theo quy định, đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định đối với các công trình thuộc khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi bàn giao có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế thì bên tiếp nhận có quyền từ chối tiếp nhận, yêu cầu chủ đầu tư tổ chức kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và tổ chức khắc phục các tồn tại của hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho đến khi đạt yêu cầu (chi phí kiểm tra, kiểm định chất lượng và khắc phục các tồn tại do chủ đầu tư chủ động chi trả).

5. Khuyến khích các chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở mời bên tiếp nhận tham gia quản lý, giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo sự đồng thuận trong công tác quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình từ giai đoạn xây dựng đến khi bàn giao, tiếp nhận, khai thác, vận hành, để tạo thuận lợi trong quá trình bàn giao, tiếp nhận, khai thác, vận hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Thời điểm thực hiện bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án (giao thông, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng công cộng, công viên, cây xanh sử dụng công cộng) được phép tổ chức bàn giao cho bên tiếp nhận để quản lý, vận hành kể từ khi chủ đầu tư hoàn thành thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hoàn thành các thủ tục

nghiệm thu về quản lý chất lượng công trình, vận hành thử nghiệm theo quy định về bảo vệ môi trường (nếu có).

2. Trường hợp bàn giao từng hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thì phải đảm bảo việc đầu tư xây dựng tiếp các công trình còn lại của dự án không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, vận hành của công trình hạ tầng kỹ thuật đã được bàn giao.

3. Các công trình cấp điện, cấp nước và chữa cháy, công trình viễn thông (nếu có), chủ đầu tư được phép bàn giao từng công trình trước hoặc sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng của dự án nếu được sự đồng ý của bên tiếp nhận.

Điều 7. Hồ sơ, tài liệu để bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Danh mục hồ sơ bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ tài liệu bàn giao công trình được lập tối đa thành 03 (ba) bộ, chủ đầu tư lưu trữ 01 (một) bộ và gửi 01 (một) bộ cho bên tiếp nhận, 01 (một) bộ cho bên chủ quản bên tiếp nhận (nếu có).

Điều 8. Các bước thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng dự án hoặc hoàn thành đầu tư xây dựng từng công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Điều 6 Quy định này, chủ đầu tư gửi văn bản đến bên tiếp nhận đề nghị việc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật để được xem xét, tổ chức kiểm tra, giải quyết theo quy định.

2. Bên tiếp nhận chủ trì thành lập đoàn kiểm tra; xây dựng nội dung kiểm tra và tổ chức kiểm tra theo nội dung kiểm tra; yêu cầu thực hiện các nội dung đảm bảo theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Tùy theo thẩm quyền, bên tiếp nhận có trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình hạ tầng kỹ thuật để quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định.

Điều 9. Thành phần đoàn kiểm tra, nội dung và kết quả sau kiểm tra

1. Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đảm bảo các điều kiện để tổ chức kiểm tra, bên tiếp nhận có trách nhiệm chủ trì tổ chức đoàn kiểm tra để xem xét hồ sơ pháp lý và tiến hành khảo sát hiện trạng của công trình đề nghị được bàn giao, tiếp nhận.

2. Thành phần đoàn kiểm tra

- a) Bên tiếp nhận là đơn vị chủ trì tổ chức kiểm tra;
- b) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và Sở Tài chính;
- c) Chủ đầu tư dự án (chủ sở hữu tài sản) và các đơn vị tham gia thực hiện dự án.

3. Bên bàn giao có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, phương tiện cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với đoàn kiểm tra. Nội dung kiểm tra chủ yếu gồm:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các nội dung pháp lý của dự án theo quy định tại các thời điểm triển khai dự án;

b) Kiểm tra sự phù hợp giữa hồ sơ chất lượng của công trình đề nghị được bàn giao, tiếp nhận so với thực tế;

c) Kiểm tra một số nội dung cần thiết khác khi đoàn kiểm tra phát hiện và yêu cầu thực hiện.

4. Kết quả sau kiểm tra

a) Kết quả sau kiểm tra phải được đơn vị chủ trì lập thành biên bản; biên bản phải thể hiện rõ nội dung đạt và không đạt yêu cầu; nhận xét, kết luận và kiến nghị; đồng thời phải có đủ chữ ký các thành viên trong đoàn kiểm tra;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra đủ điều kiện tiếp nhận: bên tiếp nhận có trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình;

c) Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu để bàn giao, tiếp nhận: đơn vị chủ trì có văn bản yêu cầu chủ đầu tư thực hiện theo các yêu cầu của đoàn kiểm tra và xem xét tiếp nhận khi đạt yêu cầu; nếu chủ đầu tư không thực hiện thì không tiếp nhận và có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Xác định giá trị tài sản của công trình hạ tầng kỹ thuật khi bàn giao

Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao cho bên tiếp nhận, khi thực hiện công tác bàn giao cho bên tiếp nhận thì ngoài các yêu cầu đảm bảo kỹ thuật, chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật, bên bàn giao cần phải tính toán, xác định giá trị tài sản tại thời điểm bàn giao (sau khi giảm trừ giá trị hao mòn tài sản theo thời gian sử dụng) theo quy định.

Điều 11. Bàn giao tài sản công trình hạ tầng kỹ thuật do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài chuyển giao quyền sở hữu

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật là tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao theo hợp đồng dự án, khi bàn giao bên tiếp nhận phải thực hiện theo các quy định tại Quy định này và phải thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và các quy định khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các bên đối với công trình hạ tầng kỹ thuật được bàn giao, tiếp nhận

1. Bên bàn giao

a) Hoàn thành việc bàn giao hồ sơ quy định tại Điều 7 Quy định này cho bên tiếp nhận trước thời điểm bên tiếp nhận ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình;

b) Tất cả các công trình hạ tầng kỹ thuật chưa được bàn giao cho bên tiếp nhận thì chủ đầu tư phải tổ chức đầu tư, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình;

c) Trong thời gian bảo hành công trình xây dựng, nếu phát hiện tình trạng hư hỏng phải kịp thời khắc phục và có văn bản báo cáo hoàn thành công tác bảo hành công trình;

d) Thực hiện theo các nội dung yêu cầu của đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;

d) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, hồ sơ bảo trì công trình; tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình xây dựng, thực hiện bảo trì công trình xây dựng đảm bảo về trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bên tiếp nhận

a) Có trách nhiệm tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật do chủ đầu tư bàn giao. Sau đó trực tiếp quản lý hoặc đấu thầu, đặt hàng đơn vị có năng lực để trực tiếp quản lý khai thác, vận hành và triển khai thực hiện bảo trì theo quy trình bảo trì công trình xây dựng;

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí vốn (hoặc kiến nghị bố trí vốn) định kỳ, hàng năm nhằm đảm bảo triển khai tốt công tác quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được quyết định tiếp nhận;

c) Bên tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức khai thác, sử dụng theo đúng công năng thiết kế, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật trên toàn địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn bên tiếp nhận đối với các công trình chưa đảm bảo về hồ sơ pháp lý, quản lý chất lượng công trình; trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo từng trường hợp cụ thể.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong công tác bàn giao, tiếp nhận đối với các tài sản quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy định này;

b) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hạch toán, theo dõi sổ sách, biến động về giá trị tài sản, sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả không để xảy ra thất thoát tài sản và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

c) Bố trí kinh phí để bên tiếp nhận có đủ điều kiện tổ chức quản lý khai thác, vận hành, bảo trì, bảo vệ theo quy định.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành công trình, phối hợp với đơn vị chủ trì khi được đề nghị tham gia đoàn kiểm tra.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Cùng phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp trong từng lĩnh vực cụ thể của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp hồ sơ có liên quan đến dự án; phối hợp cùng đoàn kiểm tra; thực hiện bảo hành, bảo trì và các nội dung theo yêu cầu của Quy định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư đã được phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành và đang trong giai đoạn thực hiện dự án chưa bàn giao thì việc thực hiện các bước tiếp theo của dự án phải tuân thủ Quy định này.

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện bàn giao, tiếp nhận sau ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo Quy định này.

3. Các dự án đang thực hiện với nhiều hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, thì ngoài các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đã bàn giao trước ngày Quy định này có hiệu lực, các hạng mục công trình còn lại chưa bàn giao thì phải thực hiện theo Quy định này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản hiện hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và giải quyết theo thẩm quyền. Nếu vượt thẩm quyền thì Sở Xây dựng tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.